

CÔNG AN TỈNH ĐẮK LẮK
CÔNG AN XÃ KRÔNG ANA

Số: 01/TB-CAX-TH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Krông Ana, ngày 18 tháng 3 năm 2026

TRƯỜNG THPT HÙNG VƯƠNG

Số: 227
ĐẾN Ngày: 19/3/2026

Chuyển:

Số và ký hiệu HS:

THÔNG BÁO

Về việc thông tin tuyển sinh năm 2026 của Công an tỉnh Đắk Lắk

Thực hiện Kế hoạch số 144/KH-BCA ngày 03/3/2026 của Bộ Công an quy định về tuyển sinh trong Công an nhân dân (CAND) năm 2026. Công an xã Krông Ana thông báo nội dung như sau:

Để đảm bảo thực hiện tốt công tác tuyển sinh vào các trường Công an nhân dân năm 2026. Công an xã Krông Ana thông báo đến các đơn vị, cơ quan địa phương nội dung về thông tin tuyển sinh của Công an tỉnh Đắk Lắk để triển khai, thông báo đến gia đình và công dân có nguyện vọng thi tuyển vào các trường Công an nhân dân biết, đăng ký về Công an xã Krông Ana.

Địa điểm đăng ký:

Tại trụ sở Công an xã Krông Ana; số 62 Nguyễn Tất Thành, xã Krông Ana, tỉnh Đắk Lắk

Thời gian đăng ký:

Đối với công dân là học sinh trung học phổ thông và chiến sĩ nghĩa vụ xuất ngũ trong vòng 12 tháng tính đến tháng dự tuyển Đại học, trung cấp CAND chính quy tuyển mới; từ ngày 19/3/2026 đến hết ngày 15/4/2026.

Đối với thí sinh tự do đăng ký dự tuyển Văn bằng 2 tuyển mới; từ ngày 19/3/2026 đến hết ngày 25/6/2026.

Mọi thắc mắc về thông tin tuyển sinh đề nghị liên hệ đồng chí Trung tá Vũ Tiến Văn, Cán bộ - Công an xã Krông Ana; số điện thoại: 0905346357 để được giải đáp và hướng dẫn.

Công an xã Krông Ana thông báo cho toàn bộ công dân trên địa bàn xã biết, tham gia đăng ký sơ tuyển đúng thời gian, địa điểm quy định./.

Nơi nhận:

- UBND xã;
- Trường THPT trên địa bàn xã;
- Công dân trên địa bàn xã;
- Lưu: TH, VTV-7b.

KT. TRƯỞNG CÔNG AN XÃ
PHÓ TRƯỞNG CÔNG AN XÃ



Trung tá Lê Thị Tố Nga

**Danh mục tên trường, ký hiệu trường,
chỉ tiêu tuyển sinh trình độ trung cấp Công an nhân dân chính quy tuyển mới**
(kèm theo Thông báo số: /CAT-PX01 ngày tháng 3 năm 2026 của Công an tỉnh)

TT	Tên trường/ngành đào tạo/ Địa bàn tuyển sinh	Ký hiệu trường	Tổng chỉ tiêu	Chỉ tiêu tuyển thẳng		Chỉ tiêu xét tuyển		Tổ hợp xét tuyển	Mã bài thi đánh giá của Bộ Công an sử dụng để xét tuyển
				Nam	Nữ	Nam	Nữ		
1	Trường Cao đẳng An ninh nhân dân I (T08)	ANN	80					A00, A01, B00, B08, C00, C03, D01, D04, D07, D09, D10, X02, X03, X04, X26, X27, X28	CA1, CA2, CA3, CA4
	- Toàn quốc		80	4	1	66	9		
2	Trường Cao đẳng Cảnh sát nhân dân I (T09)	CS1	100					A00, A01, B00, B08, C00, C03, D01, D04, D07, D09, D10, X02, X03, X04, X26, X27, X28	CA1, CA2, CA3, CA4
	- Phía Bắc		100	5	1	85	9		
3	Trường Cao đẳng Cảnh sát nhân dân II (T10)	CS2	100					A00, A01, B00, B08, C00, C03, D01, D04, D07, D09, D10, X02, X03, X04, X26, X27, X28	CA1, CA2, CA3, CA4
	- Phía Nam		100	5	1	85	9		

Danh mục lĩnh vực đào tạo, nhóm ngành đào tạo
khối ngành khoa học tự nhiên, kỹ thuật, khoa học máy tính, công nghệ thông tin
(kèm theo Thông báo số: /CAT-PX01 ngày tháng 3 năm 2026 của Công an tỉnh)

Mã lĩnh vực, nhóm ngành đào tạo	Tên lĩnh vực, nhóm ngành đào tạo
71401	Khoa học giáo dục
7140209	Sư phạm Toán học
7140210	Sư phạm Tin học
7140211	Sư phạm Vật lí
7140212	Sư phạm Hóa học
7140213	Sư phạm Sinh học
7140214	Sư phạm Kỹ thuật công nghiệp
7140215	Sư phạm Kỹ thuật nông nghiệp
7140246	Sư phạm công nghệ
7140247	Sư phạm khoa học tự nhiên
742	Khoa học sự sống
744	Khoa học tự nhiên
746	Toán và thống kê
748	Máy tính và công nghệ thông tin
751	Công nghệ kỹ thuật
752	Kỹ thuật
758	Kiến trúc và xây dựng
77206	Kỹ thuật Y học

Danh mục tên trường, ký hiệu trường, mã ngành, chỉ tiêu tuyển sinh
trình độ đại học chính quy tuyển mới đối với công dân đã có bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên
(kèm theo Thông báo số: /CAT-PX01 ngày tháng 3 năm 2026 của Công an tỉnh)

TT	Tên trường/ngành đào tạo/ Địa bàn tuyển sinh	Ký hiệu trường	Mã ngành	Tổng chỉ tiêu	Chỉ tiêu theo Phương thức 1		Chỉ tiêu theo Phương thức 2	
					Nam	Nữ	Nam	Nữ
1	Học viện An ninh nhân dân (T01)	ANH		130				
1.1	Nhóm ngành nghiệp vụ An ninh		7860100	100				
	- Phía Bắc			100	45	5	45	5
1.2	Ngành An toàn thông tin		7480202	30				
	- Toàn quốc			30	13	1	14	2
2	Học viện Cảnh sát nhân dân (T02)	CSH		100				
	Nhóm ngành nghiệp vụ Cảnh sát		7860100	100				
	- Phía Bắc			100	45	5	45	5
3	Trường Đại học An ninh nhân dân (T04)	ANS		100				
	Nhóm ngành nghiệp vụ An ninh		7860100	100				
	- Phía Nam			100	45	5	45	5

Phụ lục 02

TT	Tên trường/ngành đào tạo/ Địa bàn tuyển sinh	Ký hiệu trường	Mã ngành	Tổng chỉ tiêu	Chỉ tiêu theo Phương thức 1		Chỉ tiêu theo Phương thức 2	
					Nam	Nữ	Nam	Nữ
4	Trường Đại học Cảnh sát nhân dân (T05)	CSS		100				
	<i>Nhóm ngành nghiệp vụ Cảnh sát</i>		7860100	100				
	- Phía Nam			100	45	5	45	5
5	Trường Đại học Phòng cháy chữa cháy (T06)	PCH		50				
	<i>Phòng cháy chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ</i>		7860113	50				
	- Toàn quốc			50	22	2	23	3
6	Học viện Kỹ thuật và Công nghệ an ninh (T07)	KTH		50				
	<i>Nhóm ngành Kỹ thuật - Hậu cần</i>		7480200	50				
	- Toàn quốc			50	22	2	23	3

Danh mục tên trường, ký hiệu trường, mã ngành, chỉ tiêu tuyển sinh
trình độ đại học Công an nhân dân chính quy tuyển mới đối với công dân tốt nghiệp trung học phổ thông
(kèm theo Thông báo số: /CAT-PX01 ngày tháng 3 năm 2026 của Công an tỉnh)

TT	Tên trường/ngành đào tạo/ Địa bàn tuyển sinh	Ký hiệu trường	Mã ngành	Tổng chỉ tiêu	Chỉ tiêu theo Phương thức 1		Chỉ tiêu theo Phương thức 2, 3		Tổ hợp xét tuyển theo Phương thức 3	Mã bài thi đánh giá của Bộ Công an sử dụng để xét tuyển
					Nam	Nữ	Nam	Nữ		
1	Học viện An ninh nhân dân (T01)	ANH		500						
1.1	Nhóm ngành nghiệp vụ An ninh		7860100	250					A00, A01, C03, D01, X02, X03, X04	CA1, CA2, CA3, CA4
	- Phía Bắc			250	11	1	214	24		
1.2	Ngành An ninh mạng và phòng, chống tội phạm công nghệ cao (dành tối đa 50 chỉ tiêu nam gửi đào tạo nước ngoài ngành Công nghệ thông tin)		7860114	150					A00, A01, X26, X27, X28	CA1, CA2
	- Phía Bắc			75	3	1	65	6		
	- Phía Nam			75	3	1	65	6		
1.3	Ngành Công nghệ thông tin (hợp tác với Trường Đại học Công nghệ thông tin và truyền thông, Đại học Bách khoa Hà Nội)		7480201	100					A00, A01, X26, X27, X28	CA1, CA2
	- Toàn quốc			100	5	0	95	0		
2	Học viện Cảnh sát nhân dân (T02)	CSH		400						
	Nhóm ngành nghiệp vụ Cảnh sát		7860100	400					A00, A01, C03, D01, X02, X03, X04	CA1, CA2, CA3, CA4
	- Phía Bắc			400	18	2	342	38		

Phụ lục 01

TT	Tên trường/ngành đào tạo/ Địa bàn tuyển sinh	Ký hiệu trường	Mã ngành	Tổng chỉ tiêu	Chỉ tiêu theo Phương thức 1		Chỉ tiêu theo Phương thức 2, 3		Tổ hợp xét tuyển theo Phương thức 3	Mã bài thi đánh giá của Bộ Công an sử dụng để xét tuyển
					Nam	Nữ	Nam	Nữ		
3	Học viện Chính trị Công an nhân dân (T03)	HCA		100						
	<i>Xây dựng Đảng và chính quyền nhà nước</i>		7310202	100					A01, C00, C03, D01, X02, X03, X04	CA1, CA4
	- <i>Phía Bắc</i>			50	2	1	43	4		
	- <i>Phía Nam</i>			50	2	1	43	4		
4	Trường Đại học An ninh nhân dân (T04)	ANS		220						
	<i>Nhóm ngành nghiệp vụ An ninh</i>		7860100	220					A00, A01, C03, D01, X02, X03, X04	CA1, CA2, CA3, CA4
	- <i>Phía Nam</i>			220	10	1	188	21		
5	Trường Đại học Cảnh sát nhân dân (T05)	CSS		300						
	<i>Nhóm ngành nghiệp vụ Cảnh sát</i>		7860100	300					A00, A01, C03, D01, X02, X03, X04	CA1, CA2, CA3, CA4
	- <i>Phía Nam</i>			300	13	2	257	28		
6	Trường Đại học Phòng cháy chữa cháy (T06)	PCH		200						
	<i>Phòng cháy chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ</i>		7860113	200					A00, A01, D01, D07	CA1, CA2
	- <i>Phía Bắc</i>			100	4	1	86	9		
	- <i>Phía Nam</i>			100	4	1	86	9		

Phụ lục 01

TT	Tên trường/ngành đào tạo/ Địa bàn tuyển sinh	Ký hiệu trường	Mã ngành	Tổng chỉ tiêu	Chỉ tiêu theo Phương thức 1		Chỉ tiêu theo Phương thức 2, 3		Tổ hợp xét tuyển theo Phương thức 3	Mã bài thi đánh giá của Bộ Công an sử dụng để xét tuyển
					Nam	Nữ	Nam	Nữ		
7	Học viện Kỹ thuật và Công nghệ an ninh (T07)	KTH		300						
7.1	Nhóm ngành Kỹ thuật - Hậu cần		7480200	200					A00, A01, D01, X26, X27, X28	CA1, CA2
	- Phía Bắc			100	4	1	86	9		
	- Phía Nam			100	4	1	86	9		
7.2	Y khoa (gửi đào tạo tại Học viện Quân y, Bộ Quốc phòng)*		7720101	50					A00, A01, B00, B08, D07	CA1, CA2, CA3
	- Toàn quốc			50	2	1	43	4		
7.3	Y khoa (gửi đào tạo tại Trường Đại học Y dược, Đại học Quốc gia Hà Nội)*		7720101A	30					B00, B08	CA1, CA2, CA3
	- Toàn quốc			30	1	0	26	3		
7.4	Kỹ thuật điện tử, viễn thông (gửi đào tạo tại Học viện Kỹ thuật Mật mã)		7520207	20					A00, A01, D01, X26, X27	CA1, CA2
	- Toàn quốc			20	1	0	19	0		
8	Học viện Quốc tế (B06)	AIS		50						
8.1	Ngôn ngữ Anh		7220201	30					A01, D01, D04, D09, D10	CA1, CA2, CA3, CA4
	- Toàn quốc			30	2	2	13	13		
8.2	Ngôn ngữ Trung quốc		7220204	20					A01, D01, D04, D09, D10	CA1, CA2, CA3, CA4
	- Toàn quốc			20	1	1	9	9		

* Lưu ý: Thí sinh dự tuyển ngành Y khoa theo Phương thức 2 vẫn phải đảm bảo ngưỡng chất lượng đầu vào đối với tổ hợp môn THPT năm 2026 theo quy định./.